

Bản án số: 87/2020/DS-ST
Ngày: 19/6/2020
Vv: “*Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 19 tháng 6 năm 2020 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 480/2019/DSST ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXX-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐHPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C;

Địa chỉ: Tầng 1, 2, 3, 6 Tòa nhà M, 235 đường K, phường N, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Công D, bà Nguyễn Thị T, bà Võ Thị Phương T.

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà C, 106 đường T, Phường 8, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/8/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Quỳnh V là luật sư của Công ty luật hợp danh C, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trương Minh H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Căn hộ 2B-20-3 Chung cư M, Khu phố A, phường M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C (Sau đây gọi là Ngân hàng C) có ông Huỳnh Công D là đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 11/06/2012, ông Trương Minh H ký Đơn Đăng Ký Thẻ Tín Dụng Ngân hàng C để được cung cấp tín dụng. Ngân hàng C đã chấp thuận Đơn Mở Thẻ và cấp cho ông Trương Minh H một thẻ tín dụng của Ngân hàng C có số thẻ là 000-4450-9400-0041-2126 và hạn mức tín dụng tại thời điểm mở thẻ là 83.800.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại hạn mức là 103.800.000 đồng.

Theo Đơn mở thẻ và Bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng, khoản dư nợ thẻ hàng tháng sẽ được thanh toán cho Ngân hàng theo phương thức ghi nợ vào tài khoản của ông Trương Minh H mở tại Ngân hàng vào ngày thanh toán định kỳ hàng tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Trương Minh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng C, Ngân hàng C đã ban hành các thông báo đòi nợ, tuy nhiên ông H vẫn không thanh toán. Do đó Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu ông Trương Minh H thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 19/06/2020 tổng cộng là: 167.510.880 (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn tám trăm tám mươi) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 112.144.845 (Một trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn lăm) đồng, số tiền nợ lãi là: 49.678.553 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng và số tiền nợ phí tổng cộng là: 5.687.483 (Năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi ba) đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu ông Trương Minh H thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/06/2020 trên số dư nợ gốc còn lại theo lãi suất thoả thuận tại Đơn Mở Thẻ, Bản Chấp Thuận Sử Dụng Thẻ Tín Dụng và Biểu Phí Thẻ Tín Dụng cho đến khi toàn bộ khoản nợ thẻ tín dụng được tất toán.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Bà Lê Quỳnh V là luật sư của Công ty luật hợp danh C, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn ông Trương Minh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng

C tổng cộng số tiền tính đến ngày 19/6/2020 là: 167.510.880 (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn tám trăm tám mươi) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 112.144.845 (Một trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn lăm) đồng, số tiền nợ lãi là: 49.678.553 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng và số tiền nợ phí tổng cộng là: 5.687.483 (Năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi ba) đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Trương Minh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 75, Điều 76 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến

phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng C khởi kiện bị đơn ông Trương Minh H phải trả số tiền nợ gốc, lãi, phí theo hợp đồng sử dụng thẻ Tín Dụng giữa bị đơn ông Trương Minh H với Ngân hàng C, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Trương Minh H cư trú tại địa chỉ: Căn hộ 2B-20-3 Chung cư M, Khu phố A, phường M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Trương Minh H các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn ông Trương Minh H:

Xét, Căn cứ Đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng C, Bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng C đã chấp thuận Đơn Mở Thẻ và cấp cho ông Trương Minh H một thẻ tín dụng của Ngân hàng C có số thẻ là 000-4450-9400-0041-2126 với hạn mức tín dụng tại thời điểm mở thẻ là 83.800.000 đồng, đến thời điểm hiện tại hạn mức là 103.800.000 đồng. Khoản dư nợ thẻ hàng tháng sẽ được thanh toán cho Ngân Hàng theo phương thức ghi nợ vào tài khoản của ông Trương Minh H mở tại Ngân hàng vào ngày thanh toán định kỳ hàng tháng.

Căn cứ Bảng xác nhận gốc và lãi trả hàng tháng của Ngân hàng C. Tính đến ngày 19/6/2020 ông Trương Minh H còn nợ Ngân hàng C tổng cộng số tiền là: 167.510.880 (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn tám trăm tám mươi) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 112.144.845 (Một trăm

muoi hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn lăm) đồng, số tiền nợ lãi là: 49.678.553 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng và số tiền nợ phí tổng cộng là: 5.687.483 (Năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi ba) đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

+ Căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định:

“Điều 98. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại

...

d) Phát hành thẻ tín dụng....”

+ Xét Điều 11 của Đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng C của ông Trương Minh H *“Tôi/chúng tôi đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo Bản chấp thuận sử dụng Thẻ tín dụng”* và *“Ngân hàng có toàn quyền sửa đổi bất kỳ quy định nào của Bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng này tùy từng thời điểm mà những sửa đổi này sẽ ràng buộc tôi/chúng tôi...”*

+ Xét Điều 12 Bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng quy định: *“Ngân hàng có toàn quyền sửa đổi bất kỳ quy định nào của Bản chấp thuận này cũng như các điều khoản và điều kiện chung, các điều khoản và điều kiện của các dịch vụ kèm theo thẻ tín dụng tại từng thời điểm ngân hàng cho là phù hợp. Những sửa đổi đó sẽ ràng buộc chủ thẻ sau khi thông báo cho chủ thẻ bằng cách thức ngân hàng cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn ở việc công bố tại trụ sở ngân hàng hoặc bất kỳ văn phòng nào của ngân hàng, hoặc trên bảng sao kê thẻ tín dụng, hoặc trên web của ngân hàng hoặc theo cách thức khác do ngân hàng quy định). Việc sử dụng thẻ sau ngày mà các sửa đổi của bản chấp thuận này có hiệu lực (được quy định tại thông báo của ngân hàng) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của chủ thẻ với các sửa đổi đó. Nếu chủ thẻ không đồng ý với bất kỳ sửa đổi nào thì chủ thẻ phải chấm dứt bản chấp thuận này trước ngày mà các sửa đổi đó có hiệu lực”*.

+ Xét điểm b Khoản 8.3 Điều 8 Bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng quy định: *“ Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số dư nợ cuối kỳ chậm nhất là vào ngày đến hạn thanh toán thì lãi suất (như được quy định trong Biểu phí thẻ tín dụng) sẽ được áp dụng (a) đối với mỗi giao dịch thẻ nằm trong số dư nợ cuối kỳ (không bao gồm những khoản tiền mặt ứng trước vì phần này sẽ*

được tính theo một biểu phí dịch vụ khác), cũng như đối với các giao dịch mới (không bao gồm những khoản tiền mặt ứng trước) thực hiện bởi chủ thẻ từ ngày lập bảng cuối cùng, tính từ ngày thực hiện giao dịch và (b) đối với bất kỳ khoản tiền nào nằm trong số dư nợ cuối kỳ kể từ ngày lập bảng cuối cùng cho đến khi số dư nợ cuối kỳ được trả đầy đủ. Lãi suất sẽ được cộng dồn hàng ngày và được tính theo mức lãi suất hàng tháng (được quy định trong Biểu phí thẻ tín dụng) tại thời điểm có hiệu lực”.

+ Xét khoản 8.1 về các loại phí chung và 8.2 phí chậm thanh toán của Điều 8 Bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng.

+ Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Trương Minh H. Tuy nhiên ông Trương Minh H không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Trương Minh H đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C buộc bị đơn ông Trương Minh H phải thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 19/6/2020 là: 167.510.880 (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn tám trăm tám mươi) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 112.144.845 (Một trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn lăm) đồng, số tiền nợ lãi là: 49.678.553 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng và số tiền nợ phí tổng cộng là: 5.687.483 (Năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi ba) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn ông Trương Minh H phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Trương Minh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn ông Trương Minh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng C, Bản Chấp Thuận Sử Dụng Thẻ Tín Dụng và Biểu Phí Thẻ Tín Dụng cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ điểm b Khoản 8.3 Điều 8 Bản chấp thuận sử dụng thẻ tín dụng quy định: “ Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số dư nợ cuối kỳ chậm nhất

là vào ngày đến hạn thanh toán thì lãi suất (như được quy định trong Biểu phí thẻ tín dụng) sẽ được áp dụng (a) đối với mỗi giao dịch thẻ nằm trong số dư nợ cuối kỳ (không bao gồm những khoản tiền mặt ứng trước vì phần này sẽ được tính theo một biểu phí dịch vụ khác), cũng như đối với các giao dịch mới (không bao gồm những khoản tiền mặt ứng trước) thực hiện bởi chủ thẻ từ ngày lập bảng cuối cùng, tính từ ngày thực hiện giao dịch và (b) đối với bất kỳ khoản tiền nào nằm trong số dư nợ cuối kỳ kể từ ngày lập bảng cuối cùng cho đến khi số dư nợ cuối kỳ được trả đầy đủ. Lãi suất sẽ được cộng dồn hàng ngày và được tính theo mức lãi suất hàng tháng (được quy định trong Biểu phí thẻ tín dụng) tại thời điểm có hiệu lực”.

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4.] Về yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5.] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Trương Minh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

Buộc ông Trương Minh H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C số tiền tổng cộng tính đến ngày 19/6/2020 là: 167.510.880 (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn tám trăm tám mươi) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 112.144.845 (Một trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn lăm) đồng, số tiền nợ lãi là: 49.678.553 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng và số tiền nợ phí tổng cộng là: 5.687.483 (Năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi ba) đồng.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 20/6/2020, bị đơn ông Trương Minh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng C, Bản Chấp Thuận Sử Dụng Thẻ Tín Dụng và Biểu Phí Thẻ Tín Dụng. Trường hợp trong Đơn đăng ký thẻ tín dụng Ngân hàng C, Bản Chấp Thuận Sử Dụng Thẻ Tín Dụng và Biểu Phí Thẻ Tín Dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Trương Minh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.375.544 (Tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bốn) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C là 3.912.340 (Ba triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm bốn mươi) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001706 ngày 27/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trương Minh H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Xuân Duyên).

Đào Lê Anh